CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
Điện thoại: 0710 825848 Fax: 0710 825844 Website: tsccantho.com.vn Email: tsc@hcm.vnn.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮTQUÝ I NĂM 2008

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Stt	*Nội dung*	*Số dư đầu kỳ*	Số dư cuối kỳ
I	**Tài sản ngắn hạn**	**417.820.374.974**	**724.790.084.584**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	21.828.903.233	23.183.824.977
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	184.207.816.198	536.750.971.936
4	Hàng tồn kho	202.790.653.557	164.450.722.507
5	Tài sản ngắn hạn khác	8.993.001.986	404.565.164
II	**Tài sản dài hạn**	**38.592.098.910**	**42.448.328.225**
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	22.435.822.987	26.292.052.302
	- Tài sản cố định hữu hình	*6.613.046.157*	*5.727.647.331*
	- Tài sản cố định vô hình	*3.561.151.921*	*3.561.151.921*
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	*12.261.624.909*	*17.003.253.050*
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16.156.275.923	16.156.275.923
5	Tài sản dài hạn khác		
III	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**	**456.412.473.884**	**767.238.412.809**
IV	**Nợ phải trả**	**299.754.909.148**	**607.206.222.423**
1	Nợ ngắn hạn	299.754.909.148	607.206.222.423
2	Nợ dài hạn		
V	**Vốn chủ sở hữu**	**156.657.564.736**	**160.032.190.386**
1	Vốn chủ sở hữu	**156.584.319.389**	**158.902.416.539**
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	83.129.150.000	83.129.150.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	2.389.610.000	2.389.610.000
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	127.728.500	127.728.500
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	2.295.844.247	35.947.786.786
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	68.641.986.642	37.308.141.253
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	**73.245.347**	**1.129.773.847**
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	73.245.347	1.129.773.847
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**	**456.412.473.884**	**767.238.412.809**
		-	-

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Quý I năm 2008	Luỹ kế từ đầu năm
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	401.271.834.935	401.271.834.935
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch	401.271.834.935	401.271.834.935
4	Giá vốn hàng bán	324.071.718.308	324.071.718.308
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	77.200.116.627	77.200.116.627
6	Doanh thu hoạt động tài chính	508.271.180	508.271.180
7	Chi phí tài chính	7.551.583.796	7.551.583.796
8	Chi phí bán hàng	16.385.755.029	16.385.755.029
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.561.236.960	8.561.236.960
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	45.209.812.022	45.209.812.022
11	Thu nhập khác	1.628.796.670	1.628.796.670
12	Chi phí khác	203.432.126	203.432.126
13	Lợi nhuận khác	1.425.364.544	1.425.364.544
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**46.635.176.566**	**46.635.176.566**
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.327.035.313	9.327.035.313
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**37.308.141.253**	**37.308.141.253**
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.488	4.488
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	-	-

V. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	**Cơ cấu tài sản**			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	8,46	5,53
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	91,54	94,47
2	**Cơ cấu nguồn vốn**			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	65,68	79,14
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	34,32	20,86
3	**Khả năng thanh toán**			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,073	0,038
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,394	1,194
4	**Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)**			
	- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	%	6,82	4,86
	- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,58	9,30
	- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	19,87	23,31

Ngày 18 tháng 04 năm 2008

Tổng Giám Đốc

(Đã ký)

Th.s. Phạm Văn Tuấn